TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 70/2019/ DS-PT Ngày 26-4-2019 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khưu Để Dành

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu

Bà Ngô Ngọc Phỉ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2019, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2018/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện An Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 56/2019/QĐXXPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 61/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Văn H**,** sinh năm 1966 (vắng mặt) và bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp P, xã p, huyện A, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Hùng T, sinh năm 1981 (có mặt), là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 12 tháng 6 năm 2018).

Địa chỉ: ấp An Hưng, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Hồ văn D, sinh năm 1972 (có mặt) và bà Võ Thị H, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ:ấp P, xã p, huyện A, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Văn P, sinh năm 1996 (có mặt), là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 25 tháng 01 năm 2019).

Địa chỉ:ấp P, xã p, huyện A, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn vợ chồng ông Trương Văn H, bà Trần Thị Kim T trình bày: Ngày 27-7-2016 (25-6-2016 âm lịch) vợ chồng ông Hồ văn D, bà Võ Thị H có làm biên nhận vay của vợ chồng ông, bà số tiền vốn (gốc) 420.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3,5%/1 tháng, thời hạn vay đến ngày 25-12- 2016 âm lịch. Trước ngày 01-6-2018 khoảng 04 tháng, vợ chồng ông Hồ văn D, bà Võ Thị H tiếp tục vay số tiền vốn (gốc) 260.000.000 đồng để trả tiền ngân hàng, thỏa thuận lãi suất 4%/1 tháng, khi vay ông Diều nói khoảng 01 tháng vay tiền ngân hàng sẽ trả nhưng đến ngày 01-6-2018 ông Diều mới trả số tiền nợ gốc 220.000.000 đồng, còn nợ lại gốc 40.000.000 đồng. Bà Thủy tính tiền lãi 04 tháng của 260.000.000 đồng là 43.000.000 đồng, nên ngày 01-6-2018 (18-4-2018 âm lịch) vợ chồng ông Hồ văn D, bà Võ Thị H mới làm biên nhận vay của bà Trần Thị Kim T số tiền 83.000.000 đồng; bà Thủy thừa nhận khoản vay 83.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01/6/2018, trong đó tiền gốc 40.000.000 đồng, tiền lãi 43.000.000 đồng.

Do vợ chồng ông Hồ văn D, bà Võ Thị H không thực hiện trả nợ đúng theo thỏa thuận. Vợ chồng ông Trương Văn H, bà Trần Thị Kim T yêu cầu vợ chồng ông Diều, bà Hiệp trả các khoản nợ gốc và lãi như sau:

Đối với biên nhận ngày 27-7-2016 yêu cầu trả nợ gốc 420.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 27-7-2016 đến khi xét xử.

Đối với biên nhận ngày 01-6-2018 ông Hùng, bà Thủy không yêu cầu trả số tiền 43.000.000 đồng mà chỉ yêu cầu trả số nợ gốc còn lại 40.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật như sau:

- Số tiền vay gốc 260.000.000 đồng tính lãi từ tháng 02 năm 2018 đến tháng 5 năm 2018 là 04 tháng.

- Số nợ gốc còn lại 40.000.000 đồng tính lãi từ ngày 01-6-2018 đến khi xét xử.

Bị đơn ông Hồ văn D trình bày: Vợ chồng ông thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày 27-7-2016 (25-6-2016 âm lịch)và biên nhận ngày 01-6-2018, khi ký tên vào hai biên nhận vợ chồng ông, bà không có đọc nội dung.

- Đối với biên nhận ngày 27-7-2016 (25-6-2016 âm lịch), vợ chồng ông chỉ vay số tiền gốc 60.000.000 đồng, còn 360.000.000 đồng là tiền lãi, thời gian cách nay khoảng 09 năm, đã đóng lãi được 03 năm, mỗi tháng 3.000.000 đồng; số tiền 60.000.000 đồng ông vay giùm cho chị ruột ông là bà Huỳnh Thị Tha. Đến năm 2016, do vợ chồng ông không có khả năng đóng lãi tiếp nên bà Thủy cộng tiền vốn và tiền lãi thành số tiền 420.000.000 đồng, bà Thủy kêu vợ chồng

ông lại và nói ký tên vào biên nhận rồi không tính lãi suất nữa nên vợ chồng ông mới ký tên vào biên nhận. Ông không đồng ý trả số tiền này và cho rằng bà Tha có nghĩa vụ trả số tiền trên cho nguyên đơn.

- Đối với biên nhận ngày 01-6-2018, thì vợ chồng ông vay của bà Thủy số tiền gốc 260.000.000 đồng, thời gian vay trước tết năm 2018 cách ngày làm biên nhận (01-6-2018) khoảng 04 tháng, lãi suất 4%/ tháng, mục đích vay để trả tiền ngân hàng. Đến ngày 01-6-2018 thì ông đem trả cho bà Thủy nợ gốc 220.000.000 đồng, còn nợ lại 40.000.000 đồng, bà Thủy nói lãi 04 tháng ông chưa đóng số tiền là 43.000.000 đồng nên bà Thủy viết biên nhận tổng cộng vốn lãi là 83.000.000 đồng, vợ chồng ông cùng ký vào biên nhận này. Vợ chồng ông đồng ý trả nợ gốc còn lại 40.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật theo yêu cầu của bà Thủy.

Bà Võ Thị H thống nhất với lời trình bày của ông Hồ văn D.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2018/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện An Phú, quyết định:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H và bà Trần Thị Kim T.

- Buộc ông Hồ văn D và bà Võ Thị H trả cho ông Trương Văn H và bà Trần Thị Kim T số tiền 662.039.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi hai triệu không trăm ba mươi chín ngàn đồng).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H và bà Trần Thị Kim T, đối với yêu cầu ông Hồ văn D và bà Võ Thị H trả số tiền nợ gốc 43.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 22-10-2018, bị đơn ông Hồ văn D làm đơn kháng cáo; nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án số 162/2018/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Anh Hồ Văn P đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Hồ văn D, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và phát biểu tranh luận: Không thừa nhận vay số tiền 420.000.000 đồng theo biên nhận ngày 27-7-2016 nên không đồng ý trả khoản tiền này theo yêu cầu của nguyên đơn. Đối với khoản nợ theo biên nhận ngày 01-6-2018 thống nhất trả theo yêu cầu của nguyên đơn. Ông Hồ văn D thống nhất với ý kiến tranh luận của anh Phố không bổ sung gì thêm.

- Ông Lê Hùng T đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và phát biểu tranh luận: Vợ chồng ông Hồ văn D, bà Võ Thị H

thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày 27-7-2016; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ biên nhận ngày 27-7-2016 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Do ông Hồ văn D vắng mặt nên sau khi xét xử sơ thẩm (ngày 04-10-2018) ngày 11-10-2018 cấp sơ thẩm thực hiện niêm yết bản án số 162/2018/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2018. Ngày 22-10-2018, bị đơn ông Hồ văn D làm đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hồ văn D, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[3] Ngày 31-8-2018, Tòa án nhân dân huyện An Phú ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 426/2018/QĐXXST-DS, thời gian mở phiên tòa vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 20-9-2018, nhưng bị đơn ông Diều, bà Hiệp vắng mặt và ông Nguyễn Hữu Đức là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Diều, bà Hiệp có đơn đề nghị hoãn phiên tòa (Bút lục 102). Do đó, Tòa án nhân dân huyện An Phú ban hành Quyết định hoãn phiên tòa số 472/2018/QĐST-DS, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 04-10-2018 và tống đạt hợp lệ cho ông Diều, bà Hiệp và ông Đức (Bút lục 110, 111, 112).

Như vậy, ông Diều, bà Hiệp và ông Đức đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do nên cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt ông Diều, bà Hiệp và ông Đức là có căn cứ.

[4] Tại biên nhận 27-7-2016 (25-6-2016 âm lịch), nội dung thể hiện ông Diều, bà Hiệp vay ông Hùng, bà Thủy số tiền gốc 420.000.000 đồng (Bút lục 03); ông Diều, bà Hiệp thừa nhận có ký tên trong biên nhận. Do đó, cấp sơ thẩm áp dụng các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của ông Hùng, bà Thủy buộc ông Diều, bà Hiệp trả nợ gốc 420.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Đối với biên nhận ngày 01-6-2018 (18-4-2018 âm lịch), nội dung thể hiện ông Diều, bà Hiệp vay bà Thủy số tiền 83.000.000 đồng (Bút lục 01); ông Diều, bà Hiệp thừa nhận có tên ký trong biên nhận. Tuy nhiên, ông Diều, bà

Hiệp trình bày và bà Thủy thừa nhận: Trước khi làm biên nhận ngày 01-6-2018 khoảng 04 tháng ông Diều, bà Hiệp vay của bà Thủy gốc 260.000.000 đồng để trả ngân hàng (đáo hạn), đến ngày 01-6-2018 đã trả cho bà Thủy gốc 220.000.000 đồng; còn nợ bà Thủy gốc 40.000.000 đồng, bà Thủy tính lãi số tiền 43.000.000 đồng nên mới lập biên nhận ngày 01-6-2018; tại phiên tòa sơ thẩm bà Thủy rút yêu cầu đối với số tiền 43.000.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm đình chỉ yêu của ông Hùng, bà Thủy đối với số tiền 43.000.000 đồng và áp dụng các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của ông Hùng, bà Thủy buộc ông Diều, bà Hiệp trả tiền gốc còn nợ gốc còn lại 40.000.000 đồng là có căn cứ.

[6] Xét thấy, khi xác lập hợp đồng vay giữa vợ chồng ông Hùng, bà Thủy với vợ chồng ông Diều, bà Hiệp có thỏa thuận lãi suất và các đương sự thống nhất thời gian xác lập khoản vay theo biên nhận ngày 01-6-2018 (18-4-2018 âm lịch). Do ông Diều, bà Hiệp chưa trả tiền lãi nên ông Hùng, bà Thủy yêu cầu trả tiền lãi và tính lãi lại theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Vì vậy, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi là có căn cứ và tiền lãi được tính như sau:

- Đối với số nợ gốc 420.000.000 đồng: Từ ngày 27-7-2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (04-10-2018) là 26 tháng, tiền lãi 182.036.000 đồng (420.000.000 x 1,667% x 26 tháng = 182.036.000 đồng).

- Đối với số nợ gốc 260.000.000 đồng: Từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 5 năm 2018 là 04 tháng, tiền lãi là 17.336.000 đồng (260.000.000 x 1,667% x 04 tháng = 17.336.000 đồng).

- Đối với số nợ gốc còn lại 40.000.000 đồng: Từ ngày 01-6-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (04-10-2018) là 04 tháng, tiền lãi là 2.667.000 đồng (40.000.000 x 1,667% x 4 tháng = 2.667.000 đồng).

[7] Xét lời trình bày của vợ chồng ông Diều, bà Hiệp cho rằng biên nhận ngày 27-7-2016, ông, bà chỉ vay 60.000.000 đồng của vợ chồng ông Hùng, bà Thủy và vay giùm cho chị ruột ông Diều là bà Hồ Thị Tha, còn lại 360.000.000 đồng là tiền lãi và ông, bà đã đóng lãi cho ông Hùng, bà Thủy mỗi tháng 3.000.000 đồng liên tiếp 03 năm. Hội đồng xét xử thấy, ông Diều, bà Hiệp không cung cấp được chứng cứ chứng minh; hơn nữa, bà Tha khai bà không nhận tiền từ ông Hùng, bà Thủy (Biên bản ghi lời khai ngày 06/8/2018) nên cấp sơ thẩm không đưa bà Tha vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không chấp nhận lời trình bày của ông Diều, bà Hiệp là có căn cứ.

[8] Như vậy, cấp sơ thẩm áp dụng các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc vợ chồng ông Diều, bà Hiệp trả cho vợ chồng ông Hùng, bà Thủy tổng số tiền gốc và lãi 662.039.000 đồng (trong đó: gốc 460.000.000 đồng, lãi 202.039.000 đồng) là có căn cứ.

Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông Hồ văn D không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[9] Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hồ văn D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ văn D.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 162/2018/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện An Phú:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Trương Văn H và bà Trần Thị Kim Thủy.

- Buộc ông Hồ văn D và bà Võ Thị H trả cho ông Trương Văn H và bà Trần Kim Thủy số tiền 662.039.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi hai triệu không trăm ba mươi chín ngàn đồng).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H và bà Trần Thị Kim T đối với yêu cầu ông Hồ văn D và bà Võ Thị H trả số tiền 43.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hồ văn D và bà Võ Thị H phải chịu 30.481.000 đồng (Ba mươi triệu bốn trăm tám mươi một ngàn đồng).

- Ông Trương Văn H và bà Trần Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự nên được nhận lại số tiền 15.270.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0003051 ngày 19-6- 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ văn D chịu 300.000 đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí; theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

TU/2016/0009321 ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khưu Để Dành

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện An Phú;
- Chi cục THA huyện An Phú;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.